

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 152/NQ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ
thực hiện Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện
các cam kết quốc tế**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư về
tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết
quốc tế;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao tại Tờ trình số 2161/TTr-BNG-
LPQT ngày 30 tháng 3 năm 2026; Công văn số 3561/BNG-LPQT ngày 14 tháng 5
năm 2026; và Báo cáo số 4569/BC-BNG-LPQT ngày 11 tháng 6 năm 2026;*

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /:

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đồng chí Thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- VPCP: BTCN, PCN Đôn Tuấn Phong;
- các Vụ: QHQT, TH;
- Lưu: VT, QHQT (2b). 10

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Lê Minh Hưng



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

**Thực hiện Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24 tháng 12 năm 2025
của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế**

(kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp trong Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế (Chỉ thị số 56-CT/TW).

2. Xác định các nhiệm vụ cụ thể để các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 56-CT/TW, nhằm đạt mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực ký kết, thực hiện cam kết quốc tế, góp phần đưa đất nước phát triển giàu mạnh, thịnh vượng, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhằm đạt được mục tiêu của Chỉ thị số 56-CT/TW, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ký kết, thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế đối với sự phát triển, vị thế, uy tín của đất nước

a) Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên tiếp tục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ký kết, thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế đối với sự phát triển, vị thế, uy tín của đất nước; xác định việc ký kết, thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế là nhiệm vụ quan trọng trong tổng thể chủ trương, đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng ta, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

b) Các cấp ủy lãnh đạo toàn diện thông qua việc định hướng chủ trương, chính sách, nội dung và tính hiệu quả, khả thi của các cam kết quốc tế do ban, bộ, ngành, địa phương ký kết; chỉ đạo việc xử lý hoặc đề xuất với cấp có thẩm quyền để giải quyết dứt điểm các vấn đề vướng mắc, phát sinh.

c) Xóa bỏ tư duy lấy số lượng thay cho chất lượng, coi trọng hình thức hơn nội dung; không ký kết các cam kết quốc tế không thiết thực, không khả thi.

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thường xuyên, sâu rộng về nội dung Chỉ thị số 56-CT/TW theo hướng đa dạng hóa, đổi mới nội dung, phương

thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng thụ hưởng hoặc chịu tác động, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, thuế quan, các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường, lao động, để các địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, ngành hàng có thể hiểu đúng, vận dụng hiệu quả các cam kết, từ đó tận dụng đầy đủ các ưu đãi mà cam kết quốc tế mang lại, hạn chế khó khăn phát sinh; bảo đảm thông tin tuyên truyền dễ tiếp cận, dễ hiểu, có tính thực tiễn; khuyến khích xây dựng các sản phẩm truyền thông đối ngoại đa ngôn ngữ gắn với các cam kết quốc tế quan trọng, đăng tải, công khai các sản phẩm truyền thông trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, xây dựng tài liệu hướng dẫn ngắn gọn, dễ hiểu về nội dung các cam kết quốc tế có tác động trực tiếp đến doanh nghiệp, người dân; bảo đảm thực chất, hiệu quả.

2. Đẩy mạnh công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc hoạt động ký kết, thực hiện cam kết quốc tế, bảo đảm tuân thủ các chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc

a) Thực hiện nghiêm chỉnh sách, đường lối, quy định của Đảng, quy định của Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Thỏa thuận quốc tế và các quy định liên quan về thẩm quyền, quy trình, thủ tục đề xuất ký kết cam kết quốc tế; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, góp phần đưa quan hệ của Việt Nam với các nước và đối tác đi vào chiều sâu, thực chất, củng cố môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

b) Chú trọng đề xuất ký kết cam kết quốc tế nhằm tranh thủ các xu hướng phát triển mới, nâng cao khả năng ứng phó các vấn đề đang nổi lên; chủ động tham gia xây dựng trật tự quốc tế công bằng, dân chủ, tiến bộ, phù hợp với lợi ích của Việt Nam.

c) Kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động về chủ trương ký kết, thực hiện cam kết quốc tế; ngăn chặn các âm mưu, hoạt động lợi dụng cam kết quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đường lối, chính sách của Đảng.

d) Cơ quan chủ trì ký kết và thực hiện cam kết quốc tế chủ động, thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, rà soát việc thực hiện cam kết quốc tế trong phạm vi, lĩnh vực phụ trách của cơ quan mình, đánh giá những mặt đã làm được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và xác định giải pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả thực hiện cam kết quốc tế, đề xuất hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, ký mới cam kết quốc tế phù hợp, đề xuất biện pháp cần thiết bảo vệ quyền và lợi ích của bên ký kết Việt Nam trong trường hợp cam kết quốc tế bị vi phạm; chủ động, thường xuyên công bố thông tin về tiến độ và kết quả thực hiện cam kết quốc tế thông qua các hình thức đa dạng như website, báo cáo, hội nghị, họp báo, trừ trường hợp liên quan đến bí mật nhà nước hoặc có thỏa thuận khác với đối tác nước ngoài.

đ) Trong phân công nhiệm vụ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương có lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo quản lý về hiệu quả ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế của bộ, ngành mình; đánh giá định kỳ hiệu quả thực hiện cam kết quốc tế của cơ

quan chủ trì căn cứ theo mức độ hoàn thành nghĩa vụ, tiến độ nội luật hoá (nếu có), hiệu quả về chính trị, quốc phòng - an ninh, kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa và các tác động khác; xây dựng tài liệu hướng dẫn thực thi hoặc sổ tay hướng dẫn áp dụng cam kết quốc tế theo từng lĩnh vực để hỗ trợ các địa phương và doanh nghiệp triển khai thực hiện.

e) Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chế độ báo cáo theo quy định về thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, pháp luật về điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế.

3. Rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật của Nhà nước, cải tiến quy trình để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết, thực hiện cam kết quốc tế

a) Tiếp tục rà soát các quy định của Luật Điều ước quốc tế, Luật Thỏa thuận quốc tế và các quy định liên quan để tạo thuận lợi cho việc ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo hướng tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế trong công tác ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

b) Thúc đẩy, đa dạng hình thức trao đổi, tham vấn với các chuyên gia, nhà khoa học trong quá trình nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, thực hiện các cam kết quốc tế phức tạp, có tác động lớn, đan xen nhiều lĩnh vực, như thông qua bài viết, tổ chức hội thảo, hội nghị. Có giải pháp lựa chọn, thuê và sử dụng chuyên gia phục vụ đàm phán, ký kết các cam kết quốc tế quan trọng, cấp bách phù hợp với các quy định pháp luật.

c) Chú trọng bảo đảm hiệu quả, chất lượng đánh giá tác động của dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế khi đề xuất ký kết; đổi mới, nâng cao hiệu quả cơ chế tham khảo ý kiến các đối tượng bị tác động của điều ước quốc tế (nhất là doanh nghiệp, người dân), chuyên gia, nhà khoa học; nghiêm túc tiếp thu, giải trình đầy đủ, thực chất các ý kiến góp ý để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả.

d) Tăng cường đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị của các đối tượng thụ hưởng hoặc chịu tác động của cam kết quốc tế (nhất là doanh nghiệp, người dân), chuyên gia, nhà khoa học và các tổ chức xã hội trong quá trình thực hiện các cam kết quốc tế.

đ) Nâng cao vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc thúc đẩy, ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế, bao gồm quảng bá hình ảnh của Việt Nam tới các đối tác nước ngoài, cung cấp thông tin về cơ hội hợp tác, nhận diện đối tác tiềm năng, xác minh và kết nối đối tác, tham mưu về xu hướng hợp tác trong các lĩnh vực cùng quan tâm trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện.

e) Chú trọng, bảo đảm chất lượng đánh giá tính tương thích giữa dự thảo điều ước quốc tế và pháp luật trong nước; kịp thời kiến nghị hoàn thiện pháp luật trong nước để thực hiện đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các nghĩa vụ, cam kết quốc tế đã ký kết, phù hợp với điều kiện của đất nước và bối cảnh quốc tế mới, nhất là trong lĩnh vực kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, hydrogen, giảm phát thải các-bon, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn,

không gian vũ trụ và các lĩnh vực mới đang nổi lên, có ảnh hưởng đến an ninh và phát triển của nước ta.

4. Nâng cao trách nhiệm, tinh thần chủ động của cơ quan chủ trì trong việc lập kế hoạch ký kết, triển khai cam kết quốc tế với lộ trình cụ thể

a) Chủ động xây dựng kế hoạch ký kết cam kết quốc tế trong phạm vi, lĩnh vực phụ trách, trên cơ sở đánh giá tác động và nguồn lực, khả năng thực thi của cơ quan, địa phương có liên quan; lồng ghép việc ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế vào chương trình công tác, kế hoạch công tác hàng năm của bộ, ngành, địa phương, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và trung hạn của địa phương phù hợp với tình hình và điều kiện của địa phương.

b) Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, cam kết quốc tế trong phạm vi, lĩnh vực phụ trách với lộ trình cụ thể, đặc biệt các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, cam kết quốc tế ký kết trong các hoạt động đối ngoại cấp cao, tạo chuyển biến thực chất, rõ nét trong công tác đề xuất ký kết, thực hiện cam kết quốc tế.

c) Bảo đảm, kịp thời cụ thể hóa các cam kết quốc tế được ghi nhận trong các tuyên bố, trao đổi thống nhất của lãnh đạo chủ chốt với đối tác nước ngoài vào các chương trình hành động, kế hoạch công tác của các ban, bộ, ngành, địa phương, các chương trình hợp tác vùng, liên vùng hoặc vào các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

d) Chủ động rà soát các cam kết quốc tế đã có thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách, đánh giá những mặt đã làm được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và xác định giải pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả thực thi hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung, ký mới cam kết quốc tế phù hợp.

đ) Căn cứ chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, nghiên cứu gắn kết quả đánh giá công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế với công tác đánh giá cán bộ, công chức, công tác thi đua – khen thưởng dựa trên chỉ số hiệu quả công việc (KPI) được đo lường trên môi trường số; công khai kết quả đánh giá để bảo đảm minh bạch, trách nhiệm giải trình.

e) Gắn công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế với việc thiết lập, triển khai các khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện và tương đương: định kỳ rà soát các cam kết quốc tế đã ký kết với các Đối tác chiến lược toàn diện, Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện; lồng ghép việc nghiên cứu, đề xuất việc ký kết các cam kết quốc tế mới trong việc thiết lập các khuôn khổ đối tác mới.

g) Phát huy, tăng cường hiệu quả cơ chế của Chính phủ đơn đốc triển khai các cam kết, thỏa thuận trong các hoạt động đối ngoại cấp cao. Chủ động đề xuất, kiến nghị thành lập các nhóm, tổ công tác liên ngành phù hợp với tình hình thực tế đối với các cam kết quốc tế phức tạp, tính chất đa ngành, đa lĩnh vực.

h) Thực hiện tốt nghĩa vụ của Việt Nam trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế chuyên ngành bao gồm về khoa học công nghệ, hàng không, hàng hải. Kịp thời tham mưu, đề xuất chủ trương ký kết các cam kết quốc tế mới, tham gia các tổ

chức quốc tế chuyên ngành uy tín, phù hợp với khả năng, điều kiện cụ thể của đất nước.

i) Tích cực, chủ động đưa ra sáng kiến, phát huy vai trò của Việt Nam trong việc xây dựng và định hình các thể chế quản trị toàn cầu và khu vực; tích cực tham gia xây dựng các quy định, chuẩn mực về các vấn đề mới nổi phù hợp với lợi ích của đất nước trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, ưu tiên các lĩnh vực tài chính, thương mại, khoa học công nghệ, môi trường, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thương mại điện tử, an ninh mạng; tích cực tham gia thúc đẩy các điều ước quốc tế đa phương, nhiều bên và khu vực có hiệu lực.

k) Hỗ trợ, hướng dẫn địa phương trong ký kết và triển khai hiệu quả các cam kết quốc tế nhằm đa dạng hóa về đối tác, nội dung hợp tác, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của vùng miền, hướng đến mở rộng thị trường; xây dựng và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách cũng như dành nguồn lực phù hợp để hỗ trợ các địa phương triển khai công tác đối ngoại địa phương và hội nhập quốc tế, triển khai các cam kết quốc tế phù hợp với điều kiện đặc thù.

l) Chú trọng công tác rà soát, phát hiện các khiếu nại, vướng mắc, khó khăn phát sinh với đối tác nước ngoài liên quan đến việc thực hiện các cam kết quốc tế nhằm ngăn ngừa và xử lý thỏa đáng từ sớm. Tiếp tục xử lý tốt các vấn đề pháp lý phát sinh từ các cam kết quốc tế, nhất là tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế.

m) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về các xu hướng lớn trên thế giới, khu vực, đặc biệt trong những lĩnh vực ưu tiên của đất nước; phát huy vai trò của các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế, trong việc tham gia hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu và đánh giá việc thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam trong từng lĩnh vực cụ thể.

5. Bố trí và bảo đảm nguồn lực cần thiết, phù hợp cho công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế

a) Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng của các cơ sở nghiên cứu chiến lược, chính sách về hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng đào tạo luật quốc tế, kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế và các lĩnh vực hội nhập quốc tế chuyên ngành khác.

b) Tiếp tục xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, chuyên gia đàm phán các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, phòng ngừa, xử lý tranh chấp hoặc khiếu nại quốc tế; tranh tụng tại các cơ quan tài phán quốc tế; vận hành quản lý điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại.

c) Tăng cường tổ chức đào tạo, tập huấn cho các Bộ, ngành, địa phương về quy trình ký kết, kỹ năng đàm phán, soạn thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, kỹ năng phân tích, dự báo xu thế hợp tác quốc tế, kỹ năng quản lý công tác ký kết thỏa thuận quốc tế; khuyến khích cử cán bộ tham gia các chương trình học tập ngắn hạn tại các tổ chức quốc tế, cơ sở đào tạo uy tín của nước ngoài.

d) Nâng cao hiệu quả đào tạo cán bộ thông qua tham gia đoàn đàm phán cam kết quốc tế song phương, đa phương và khu vực, theo hướng ưu tiên bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia trong các chuyên ngành cụ thể, phù hợp với ưu tiên của đất nước.

đ) Huy động chuyên gia, nhà khoa học, người sử dụng thành thạo ngoại ngữ, nhất là ngoại ngữ hiếm tham gia ý kiến hoặc tham gia trực tiếp vào đoàn đàm phán các cam kết song phương, đa phương quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến ưu tiên phát triển, an ninh của đất nước theo quy định pháp luật.

e) Bố trí, bảo đảm nguồn lực cần thiết, phù hợp cho công tác ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và cam kết quốc tế khác, bao gồm tổ chức ký điều ước quốc tế nhân dịp các chuyến thăm cấp cao, theo quy định của Luật Điều ước quốc tế, Luật Thỏa thuận quốc tế, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định liên quan;

g) Sử dụng hiệu quả các quỹ, hỗ trợ quốc tế, sự đóng góp của doanh nghiệp trên cơ sở tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

h) Hoàn thiện cơ chế phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước để phục vụ công tác ký kết thỏa thuận quốc tế.

i) Xây dựng mạng lưới và có cơ chế sử dụng chuyên gia trong nước và nước ngoài uy tín để hỗ trợ nghiên cứu, tư vấn khi chuẩn bị đề xuất đàm phán, ký kết, thực hiện cam kết quốc tế về thương mại, đầu tư, biên giới lãnh thổ, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, các lĩnh vực mới, phức tạp.

6. Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong việc thực thi các cam kết quốc tế

a) Rà soát, kiến nghị thành lập mới, tăng cường hiệu quả hoạt động của các Ủy ban hỗn hợp liên Chính phủ hiện có, các nhóm công tác, cơ chế đối thoại định kỳ với các đối tác, tổ chức quốc tế có chức năng rà soát, theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện các cam kết quốc tế song phương. Chủ động đề xuất với đối tác nước ngoài về thiết lập các đầu mối thường trực của mỗi bên về hợp tác thực thi cam kết quốc tế trong trường hợp cần thiết nhằm thúc đẩy hiệu quả thực hiện cam kết quốc tế.

b) Lựa chọn và tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn xây dựng pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, môi trường, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số... để tranh thủ tri thức và kinh nghiệm quốc tế, kịp thời cập nhật các quy định, chuẩn mực quốc tế mới, tiếp thu chọn lọc cách làm hay, phù hợp với thực tiễn của đất nước.

c) Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và đối tác phát triển, chủ động đề xuất chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật, viện trợ với các tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài để hỗ trợ Việt Nam thực hiện, đánh giá thực hiện các cam kết quốc tế liên quan tương ứng.

d) Thúc đẩy sáng kiến mới của Việt Nam tại diễn đàn đa phương, khu vực về việc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm thực thi điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam là thành viên; nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc tham gia hoặc đăng cai các hội thảo khu vực và quốc tế về thực thi các cam kết quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực mà Việt Nam quan tâm như chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, thương mại, phát triển bền vững, hàng hải, hàng không, phát triển đô thị, môi trường...

đ) Nghiên cứu, kiến nghị chủ trương xây dựng thí điểm bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực thi cam kết quốc tế, trên cơ sở phối hợp với các đối tác nước ngoài, tổ chức quốc tế.

e) Lồng ghép mục tiêu thu hút hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, chuyển giao công nghệ trong đề xuất hợp tác quốc tế với các đối tác.

7. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, theo dõi, thống kê tình hình thực hiện các cam kết quốc tế và đánh giá tính tương thích giữa các cam kết quốc tế với pháp luật trong nước

a) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cam kết quốc tế trên cơ sở nâng cấp, mở rộng Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế tuân thủ quy định pháp luật liên quan.

b) Vận hành cơ sở dữ liệu theo dõi, đơn đốc việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận trong các hoạt động đối ngoại cấp cao trên cơ sở nền tảng hiện có.

c) Thực hiện tốt công tác lưu trữ, hệ thống hóa các thỏa thuận quốc tế của Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị trực thuộc thông qua cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

d) Ưu tiên nguồn lực xây dựng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu lớn, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác ký kết và thực hiện cam kết quốc tế, bảo đảm đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung, liên thông, dễ khai thác, dễ sử dụng, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước.

đ) Triển khai ứng dụng số hóa trong quản lý nhà nước về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế bao gồm trong quá trình đàm phán cam kết quốc tế (đàm phán trực tuyến), ứng dụng hồ sơ điện tử trong xin ý kiến và trình cấp có thẩm quyền về ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; nghiên cứu quy định về ký cam kết quốc tế bằng hình thức điện tử.

e) Lồng ghép nội dung về tuyên truyền, phổ biến cam kết quốc tế vào phong trào “học tập số”.

g) Thiết lập kênh trao đổi định kỳ giữa trung ương và địa phương để cập nhật, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn trong công tác ký kết, thực hiện cam kết quốc tế, bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán trong việc triển khai các cam kết quốc tế liên quan đến nhiều ngành, địa phương, tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Chỉ thị số 56-CT/TW của Ban Bí thư, Chương trình hành động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì/phối hợp tổ chức triển khai Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Chỉ thị số 56-CT/TW.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện văn bản chỉ đạo của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã

ban hành, còn hiệu lực có liên quan đến công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với Chương trình hành động này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung, nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động của Chính phủ và Phụ lục kèm theo; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ; thường xuyên, kịp thời cập nhật kết quả, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ kèm minh chứng định lượng trên Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện (theodoinq.dcs.vn) làm cơ sở để đo lường tự động và kiểm chứng minh bạch; định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 11 thông tin kết quả thực hiện về Bộ Ngoại giao để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ban Bí thư.

4. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả Chương trình hành động; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

5. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình hành động được bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm xây dựng nhu cầu kinh phí cụ thể theo từng nhiệm vụ. Việc bố trí dự toán được thực hiện trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách nhà nước và theo đúng quy định hiện hành.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những nội dung cụ thể, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung vào Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.



Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN
CHỈ THỊ SỐ 56-CT/TW NGÀY 24 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA BAN BÍ THƯ
VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KÝ KẾT, THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT
QUỐC TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số ~~152~~ **152**/NQ-CP ngày ~~16~~ **16** tháng ~~6~~ năm 2026 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, chương trình, đề án, văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình; thời gian trình	Sản phẩm
1	Xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 56-CT/TW	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành, địa phương	Chính phủ; tháng 4/2026	Chương trình hành động được ban hành
2	Xây dựng Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi, thay thế)	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành liên quan	Chính phủ, Quốc hội; 2027-2028	Luật
3	Xây dựng Luật Thỏa thuận quốc tế (sửa đổi, thay thế)	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành liên quan	Quốc hội, 2026	Luật
4	Quy chế về việc tham vấn cộng đồng doanh nghiệp về các thỏa thuận thương mại quốc tế, thay thế Quyết định số 06/2012/QĐ-TTg	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ; 2026-2027	Quyết định
5	Cập nhật, định kỳ hằng tháng trên Hệ thống theo dõi (theodoingq.dcs.vn) tình hình thực hiện các cam kết quốc tế trong khuôn khổ các đoàn cấp cao	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành liên quan		Dữ liệu được cập nhật, số hóa liên thông



6	Cụ thể hóa các cam kết quốc tế được ghi nhận trong các tuyên bố, trao đổi thống nhất của lãnh đạo chủ chốt với đối tác nước ngoài vào các chương trình hành động, kế hoạch công tác của các ban, bộ, ngành, địa phương, các chương trình hợp tác vùng, liên vùng hoặc vào các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế	Các Bộ, ngành, địa phương	Bộ Ngoại giao	Thường xuyên	
7	Định kỳ 6 tháng xây dựng báo cáo Lãnh đạo chủ chốt về tình hình thực hiện các thỏa thuận, cam kết quốc tế trong khuôn khổ các đoàn cấp cao	- Các bộ, ngành, địa phương gửi Báo cáo cho Bộ Ngoại giao - Bộ Ngoại giao tổng hợp báo cáo		Lãnh đạo chủ chốt; định kỳ 6 tháng	Báo cáo
8	Phát huy, tăng cường hiệu quả cơ chế của Chính phủ đơn đốc triển khai các cam kết, thỏa thuận trong các hoạt động cấp cao	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ; thường xuyên	
9	Hình thành mạng lưới/danh sách chuyên gia trong nước và nước ngoài để kết nối nguồn lực hỗ trợ nghiên cứu, tư vấn trong đàm phán, ký kết, thực hiện cam kết quốc tế, tập trung vào lĩnh vực thương mại, tài chính, đầu tư, môi trường khi cần thiết, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và phù hợp với điều kiện nguồn lực của các Bộ, ngành.	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tư pháp	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ; tháng 12/2026	Mạng lưới/Danh sách chuyên gia
10	Báo cáo nghiên cứu xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực thi cam kết quốc tế	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan; các địa phương	Thủ tướng Chính phủ; 2026-2027	Đề án

11	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế	Bộ Ngoại giao xây dựng chương trình; các bộ, ngành, địa phương tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo thẩm quyền	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương	2027	Chương trình
12	Vận hành Hệ thống Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận trong các hoạt động đối ngoại cấp cao trên cơ sở nền tảng hiện có	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan	2026	Hệ thống được đưa vào vận hành, quản lý
13	Lồng ghép nội dung về thực hiện cam kết quốc tế vào phong trào "học tập số"	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao	Thường xuyên	Nội dung tuyên truyền, phổ biến về cam kết quốc tế được triển khai trên các nền tảng số của phong trào "học tập số"
14	Lồng ghép nội dung về ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế vào chương trình công tác, kế hoạch công tác hàng năm của bộ, ngành, địa phương.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Ngoại giao	Hàng năm	Chương trình, kế hoạch công tác hàng năm
15	Gắn hiệu quả thực hiện cam kết quốc tế với công tác đánh giá CBCCVC hằng năm, thi đua - khen thưởng phù hợp với chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chính phủ	Thường xuyên	
16	Ban hành hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành biểu mẫu và/hoặc hướng dẫn báo cáo công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và các cam kết quốc tế khác	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan	2026	Biểu mẫu báo cáo